TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Viết Đồng và bà Bùi Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019 ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1991 (Có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Xóm Q (nay là xóm G), xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Xóm Q (nay là xóm G), xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn anh Bùi Văn N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Bùi Thị H kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục vợ chồng về sống với gia đình anh N tại xóm Q, xã Gi, huyện Tân Lạc. Thời điểm đó chị Bùi Thị H đã chuyển và nhập hộ khẩu về xóm Q, xã Gi, huyện Tân Lạc. Ngay sau khi kết hôn, vào khoảng năm 2014, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H bất đồng trong cách ăn ở sinh hoạt, đối xử với bố mẹ chồng hàng ngày, không vừa lòng là chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở hoặc đi đâu làm gì không nói rõ, không thường xuyên ở nhà. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên quan đến nhau, không chung sống nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn, anh N làm đơn xin ly hôn chị Bùi Thị H.

Do chị Bùi Thị H thường xuyên vắng mặt không có ở nhà, anh N không biết rõ chị H đi đâu làm gì; anh N khai đã nhiều lần gọi điện thoại liên lạc với chị H, chị H có hứa hẹn nhiều lần về Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy anh N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh chỗ ở hiện nay của chị H; xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương để có căn cứ giải quyết yêu cầu ly hôn của anh.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ chung: Không có

Kèm theo đơn khởi kiện, anh N xuất trình và giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau:

1/ 01 Giấy chứng nhận kết hôn của anh Bùi Văn N và chị Bùi Thị H do UBND xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cấp số 30 ngày 04/10/2013

2/ 01 Bản sao hộ khẩu gia đình của anh N và chị H thuộc xóm Q, xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

3/ 02 Bản sao Chứng minh thư nhân dân tên Bùi Văn N và Bùi Thị H

Phía bị đơn - chị H không có mặt tại Tòa án nhưng đã có bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của mình nộp cho Tòa án. Đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết vụ án.

Theo đơn đề nghị của anh Bùi Văn N, Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xác minh được như sau:

- Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2019 đối với ông trưởng xóm Q (nay là xóm G), xã Gi, huyện Tân Lạc, xác định: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1996; quê quán: Xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Nơi ĐKHKTT: Xóm Q (nay là xóm G), xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Chị H kết hôn với anh Bùi Văn N năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gi, huyện Tân Lạc hiện chưa có con chung. Chị H thường xuyên không có mặt tại địa phương, nhưng đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết vì chị H không thông báo cũng không xin tạm vắng mặt; mọi hoạt động cộng đồng tại thôn xóm vẫn được thông báo và tính đến nhân khẩu Bùi Thị H, tuy nhiên chị H không tham gia. Vì chị H không có mặt tại địa phương nên không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H được.

- Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2019 đối với mẹ đẻ chị H là bà Bùi Thị H1 đã xuất trình cho Tòa án 03 văn bản có xác nhận của UBND xã P, huyện Lạc Sơn gồm: Bản tự khai của chị Bùi Thị H; Đơn đề nghị chọn Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc giải quyết vụ án; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Bùi Thị H.

- Tại Biên bản xác minh ngày 12/9/2019 xác minh tại quê quán chị Bùi Thị H thuộc xóm B, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình: Chị Bùi Thị H không có mặt tại quê, đã cắt khẩu chuyển khẩu về quê chồng tại xóm Q, xã Gi, huyện Tân Lạc từ nhiều năm nay. Chị H không đăng ký tạm trú tại tại đây và cũng không tham gia bất cứ hoạt động cộng đồng gì tại địa phương.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giao hồ sơ vụ

án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 15/10/2019 bị đơn Bùi Thị H vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị HĐXX: Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho anh N được ly hôn chị H; Về con chung, tài sản chung và công nợ chung không có nên không đề nghị giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn N xin ly hôn chị Bùi Thị H có nơi cư trú tại xã Gi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, được quy định tại khoản 1- Điều 28; khoản 1 - Điều 35; điểm a - khoản 1 - Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn ly hôn của anh Bùi Văn N và văn bản giấy tờ chứng minh nhân thân và hôn nhân của vợ chồng, cùng các tài liệu chứng cứ do Tòa án xác minh đã đầy đủ theo luật định.

- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tiếp cho chị Bùi Thị H, nhưng chị H vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và không có địa chỉ nơi cư trú mới nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, ghi rõ về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo có xác nhận của Trưởng xóm Gi; Đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tống đạt theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn Bùi Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, mặt khác chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

- Phiên tòa lần thứ nhất (ngày 15/10/2019) các đương sự đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất, nhưng Bị đơn Bùi Thị H vắng mặt. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 233, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2014

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn N và chị Bùi Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị H bất đồng trong cách ăn ở sinh hoạt, đối nhân xử thế với bố mẹ chồng, không vừa lòng chị H lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hoặc đi đâu làm gì không ai biết. Tình trạng hôn nhân của của anh N và chị H là chung sống không hạnh phúc, thời gian ly thân kéo dài nhiều năm, cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Bản thân anh Bùi Văn N không còn có tình cảm với chị H, anh N có đơn xin ly hôn chị H, giải phóng hôn nhân không tồn tại trên thực tế là quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cần được pháp luật bảo vệ nên cần chấp nhận yêu cầu này.

[2.2] Về nuôi con chung: Không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Không có

[2.4] Về công nợ chung: Không có

[2.5]Về án phí: Anh Bùi Văn N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 ; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1].Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn N, cho anh Bùi Văn N được ly hôn chị Bùi Thị H.

[2] Án phí: Anh Bùi Văn N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 300.000đồng dự phí án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số 0001573 ngày 27/8/2019 nay được đối trừ hết.

[3] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc*
- *Lưu HSVA*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yến